TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số: 105/2024/HNGĐ
Ngày 16/4/2024
Về việc tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức C

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc C

Ông Nguyễn Như B

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ*** *tham gia phiên tòa*: Ông Lê H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 327/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐ - ST ngày 15/3/2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 02/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 4 cụm 4 tổ 25 phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội(có mặt)

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Ngô Thành B – Chi nhánh Công ty Luật TNHH niềm tin công lý tại Hải Phòng – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Việt H – Sinh năm 1991

HKTT: Tổ 25 cụm 4 phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ nơi ở: Số 10 ngõ 15/33 A, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Việt H kết hôn ngày 22/05/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung trên nhà đất của gia đình anh H 1, 2 năm sau đó chuyển về sinh sống tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ. Vợ chồng chung sống từ những năm 2015 đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn tồn tại và không có hướng giải quyết, mâu thuẫn xảy ra nhiều lần cũng vẫn chỉ là một nguyên nhân nhưng không giải quyết được. Bản thân hai vợ chồng và gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không

đạt kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ 2022, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thỏa thuận ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung cháu Bùi Ngọc Thảo L - sinh ngày 14/11/2015 và cháu Bùi Ngân C – sinh ngày 01/3/2021, ly hôn chị T xin nuôi cháu C và để anh H nuôi cháu L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T làm công ty truyền thông thu nhập ổn định 15.000.000 đồng – 20.000.000đồng/tháng;

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung công sức đóng góp nên tôi cam đoan không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

***** *Bị đơn: Anh Bùi Việt H trình bày*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi không nhất trí với chị T về quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn. Tôi đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ và không đồng ý ly hôn vì hai con còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Thảo L - sinh ngày 14/11/2015 và cháu Bùi Ngân C – sinh ngày 01/3/2021, ly hôn tôi nhất trí nuôi cháu L và chị T nuôi cháu C và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi có thu nhập ổn định 15.000.000 đồng tháng;

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn không thay đổi và bổ sung ý kiến gì.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như đời sống thực tế, đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định của pháp luật xử cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh H; Tài sản chung và vay nợ: Không.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HXX áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ.

- Áp dụng Điều, 141, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH về án phí:

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T với anh Bùi Việt H.

Về con chung: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận: Anh H chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là là cháu Bùi Ngọc Thảo L - sinh ngày 14/11/2015 và cháu Bùi Ngân C – sinh ngày 01/3/2021, ly hôn anh H chị T thỏa thuận: Anh H

nuôi cháu L và chị T nuôi cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh H có đăng ký HKTT tại tổ 25 cụm 4 Phường Phú Thượng và cư trú tại số 10 ngõ 15/33 An Dương Vương phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Chị T có đơn xin ly hôn với anh H, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2].Về nội dung: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Tân Thanh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang ngày 22/5/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị T: trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp. Chị T anh H cùng hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh H.

Anh H không đồng ý ly hôn vì hai con còn nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng không như chị T trình bầy. Tuy nhiên anh H cũng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, ngoài ra tại lời khai anh H trình bày sau khi mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng thì năm 2022 anh đã mang cháu lớn là Bùi Ngọc Thảo L ra ngoài thuê trọ, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, vì vậy căn cứ hòa giải đoàn tụ là không thể.

Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng như lời khai của đương sự đều xác nhận hiện anh H chị T mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng. Theo quy luật và sự phát triển bình thường thì những gia đình có cuộc sống hạnh phúc đầm ấm là vợ chồng phải biết quan tâm, thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng tiến bộ hạnh phúc và bền vững. Nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Anh H chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Thảo L - sinh ngày 14/11/2015 và cháu Bùi Ngân C – sinh ngày 01/3/2021; Ly hôn giao anh H nuôi cháu L và chị T nuôi cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T với anh Bùi Việt H. Chị T được ly hôn với anh H.

2.Về con chung: Anh H chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Thảo L - sinh ngày 14/11/2015 và cháu Bùi Ngân C – sinh ngày 01/3/2021; Ly hôn giao anh H nuôi cháu L và chị T nuôi cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp biên lai số 2332 ngày 15/12/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND quận Tây Hồ
- Chi cục THADS q.Tây Hồ
- Đương sự

Đào Đức C